

Bản án số: 119/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 6 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Hoài Yên

Ông Nguyễn Minh Trọn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1985 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Hồ Tú Q, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Q chung sống với nhau năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau ông bà thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng ý kiến, nay ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà Q.

- Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Huỳnh T, sinh ngày 13/01/2010 và Đỗ Trọng N1, sinh ngày 15/10/2011, hiện cháu T đang sống cùng với bà Q, cháu N1 đang sống cùng với ông, khi ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N1, giao cháu T cho bà Q nuôi, không ai cấp dưỡng cho ai.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn yêu C xét xử vắng mặt, bà Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn V bà Q chung sống với nhau năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Theo ông Nguyễn xác Đ quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng ý kiến nên ông yêu cầu ly hôn với bà Q.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận vợ chồng giữa hai đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Hiện cháu T đang sống cùng với bà Q, cháu N1 đang sống cùng với ông N, bà Q không có yêu cầu gì về vấn đề này. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T cho bà Q, giao cháu N1 cho ông Nguyễn tiếp T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn xác Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Q không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn P chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Đỗ Trọng N và bà Hồ Tú Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Đỗ Huỳnh T, sinh ngày 13/01/2010 cho bà Q và giao Đỗ Trọng N1, sinh ngày 15/10/2011 cho ông Nguyễn tiếp T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Ông N và bà Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn P chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004061 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Hồ Dũng Liêm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hoài Yên**

**Nguyễn Minh Trọn**

**Hồ Dũng Liêm**